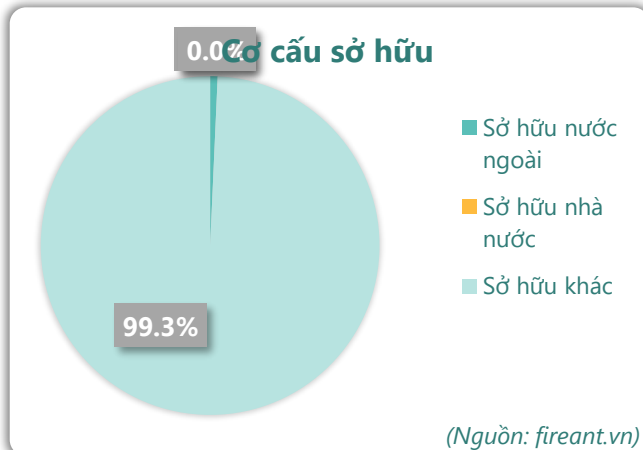


CTCP Cảng Đoạn Xá

Ngày 31/03/2025	11,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.7%	-5.2%	-7.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,000 - 14,757
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	659
Số lượng CPLH (CP)	59,910,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)	96,895
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	
EPS	1,087
P/E	10.1



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
Q1/25

86.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼97.4| -52.9%

YoY: ▲ 65.6| 312%

LN thuần
Q1/25

21.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30 | 1.3%

YoY: ▲ 13.7| 168%

LN sau thuế
Q1/25

17.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.20| 1.0%

YoY: ▲ 11.0 | 168%

Tỷ suất lãi EBIT

26.5%

YoY: +/-▲ 14.3%

ROE (TTM)
Q1/25

7.5%

YoY: +/-▲ 1.2%

DT thuần
2024

682

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 271 | 66.0%

LN thuần
2024

67.1

tỷ VNĐ

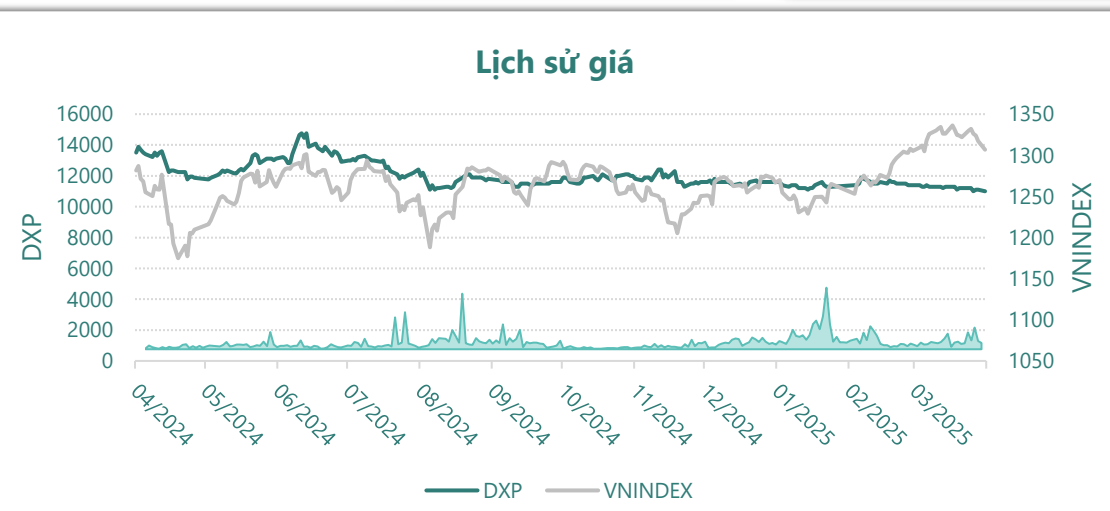
YoY: ▼2.50| -3.6%

LN sau thuế

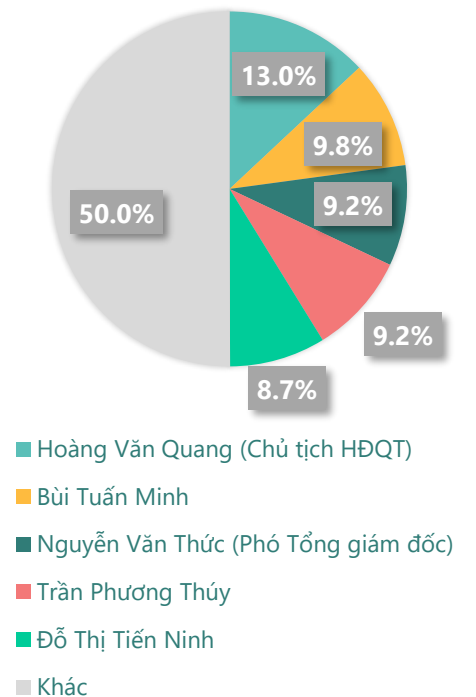
53.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.20| -4.0%

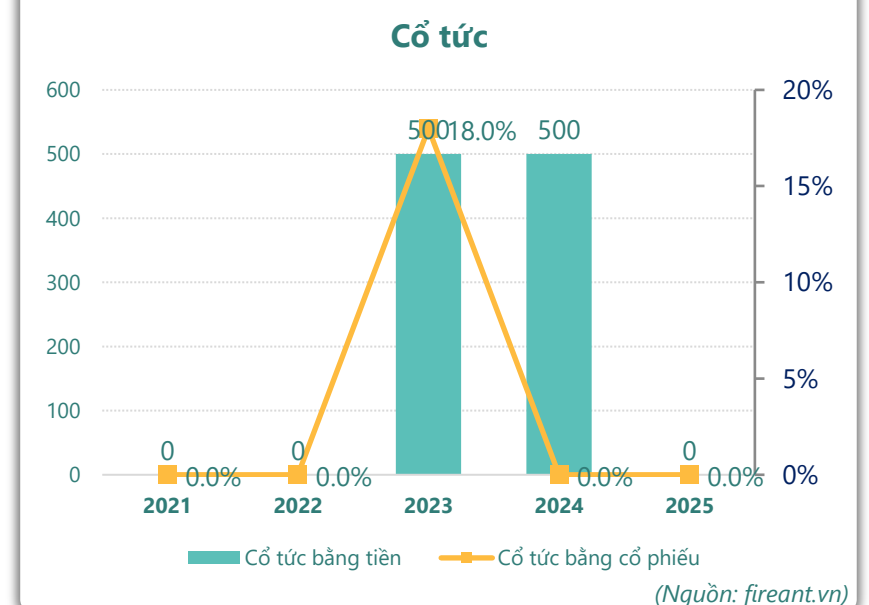
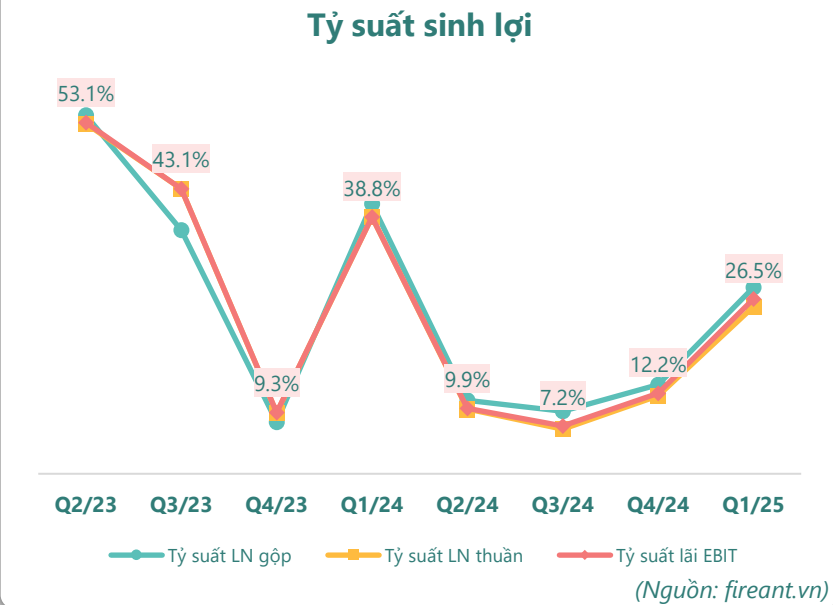
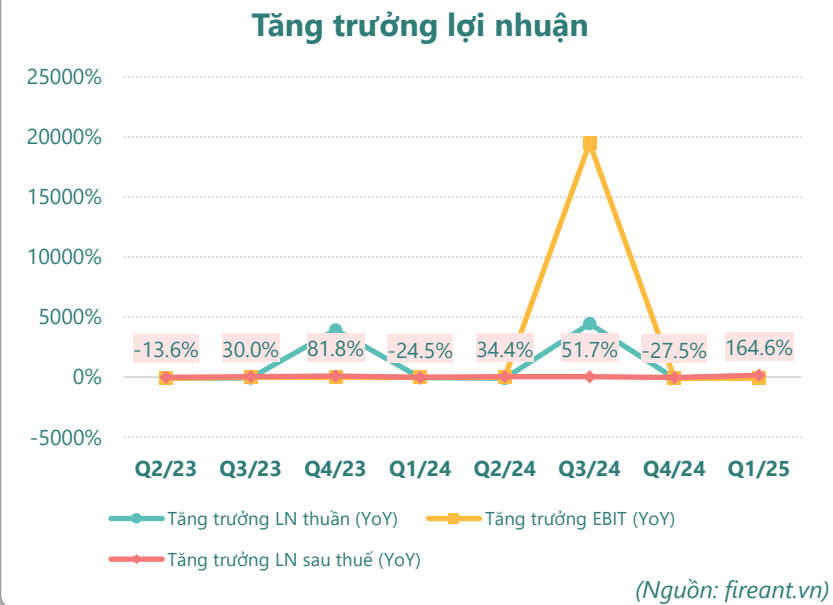
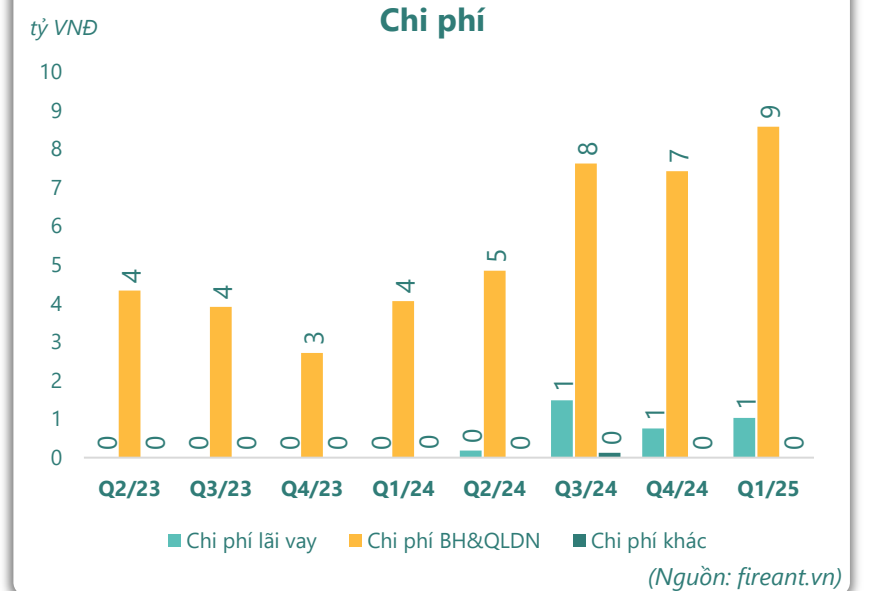
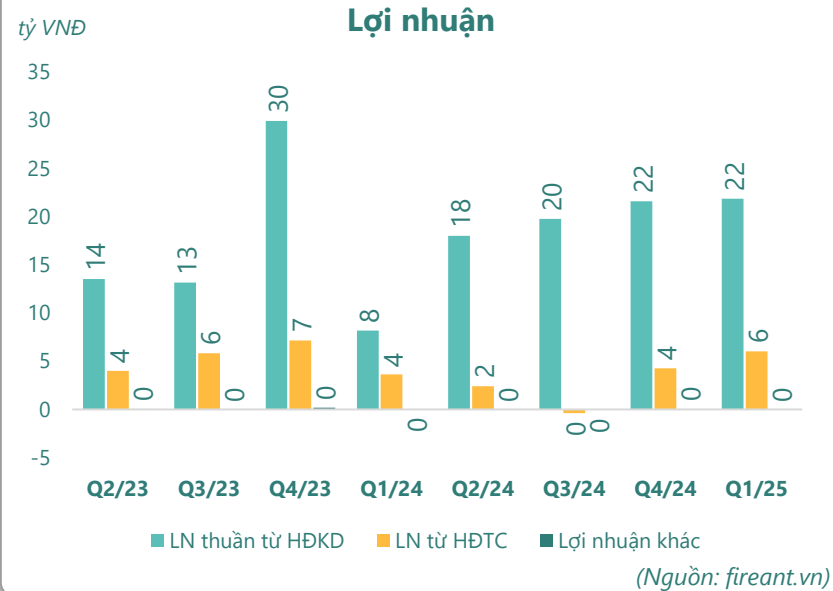
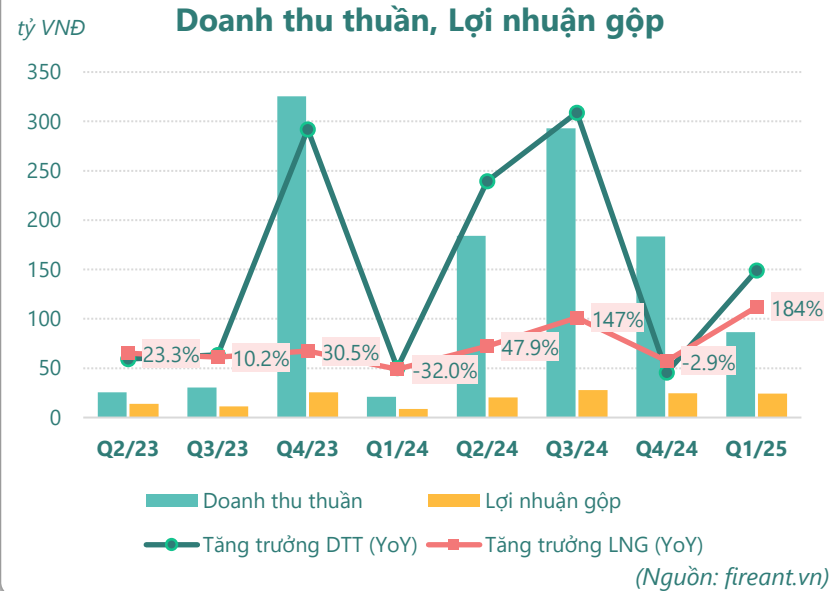


Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

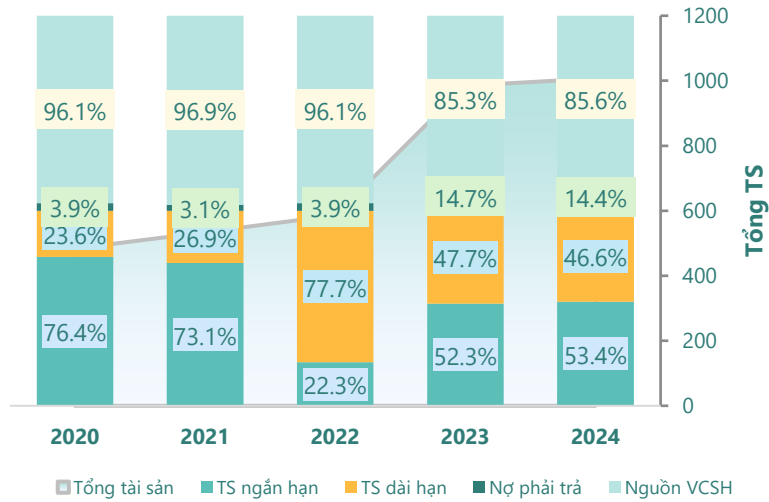
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

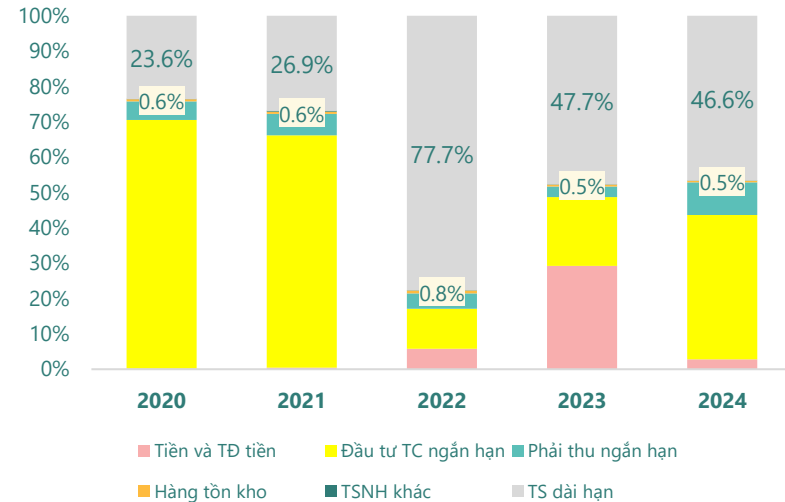
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

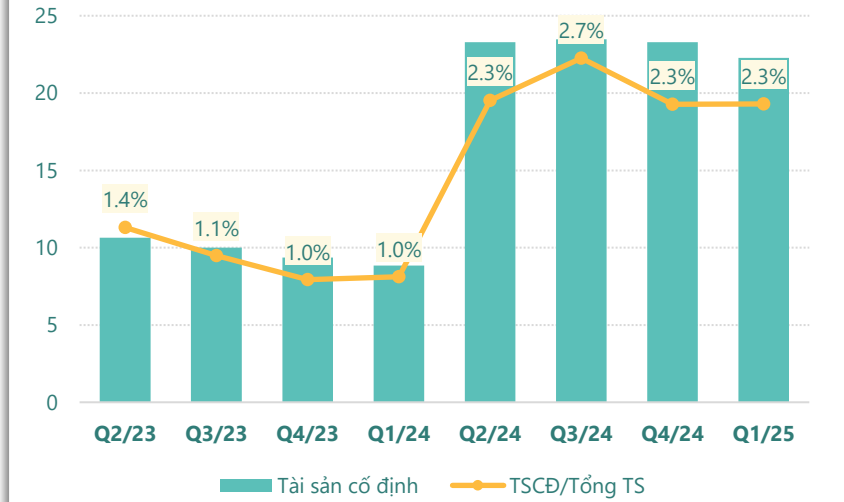
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

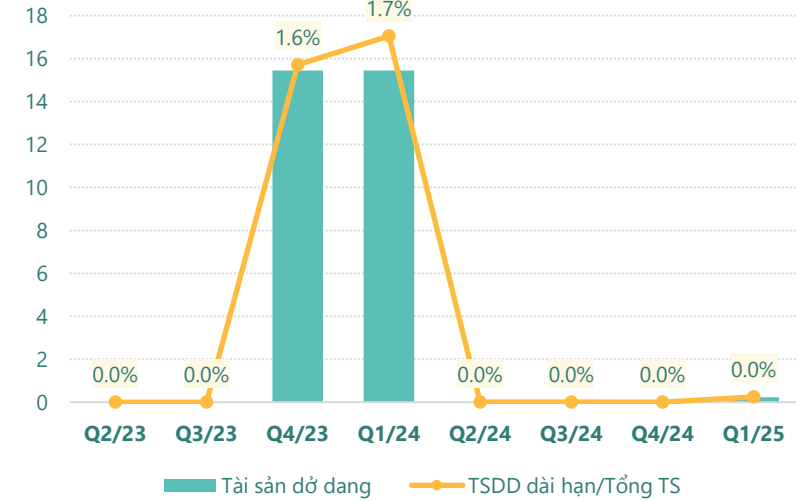
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

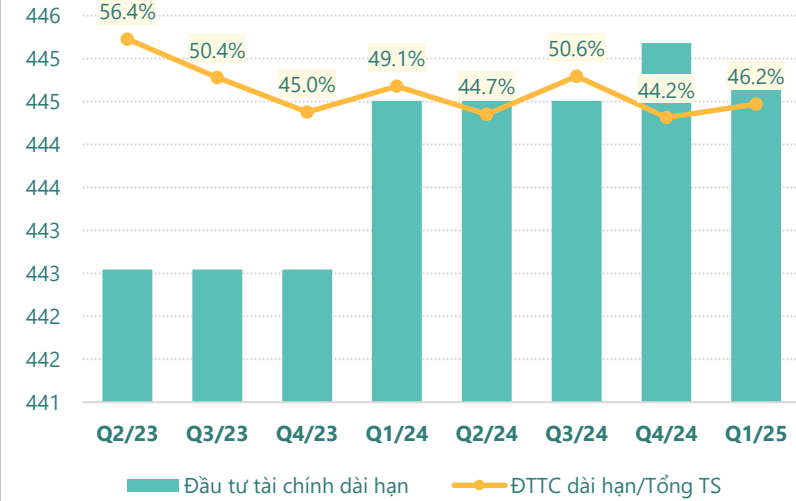
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

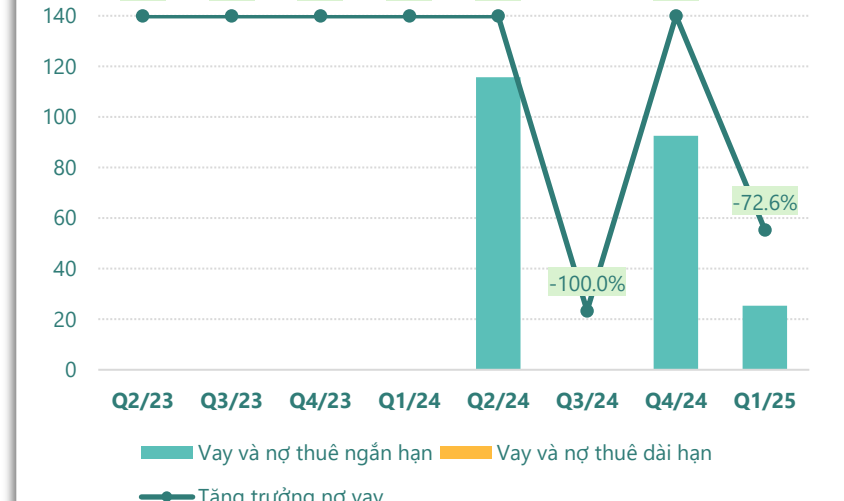
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

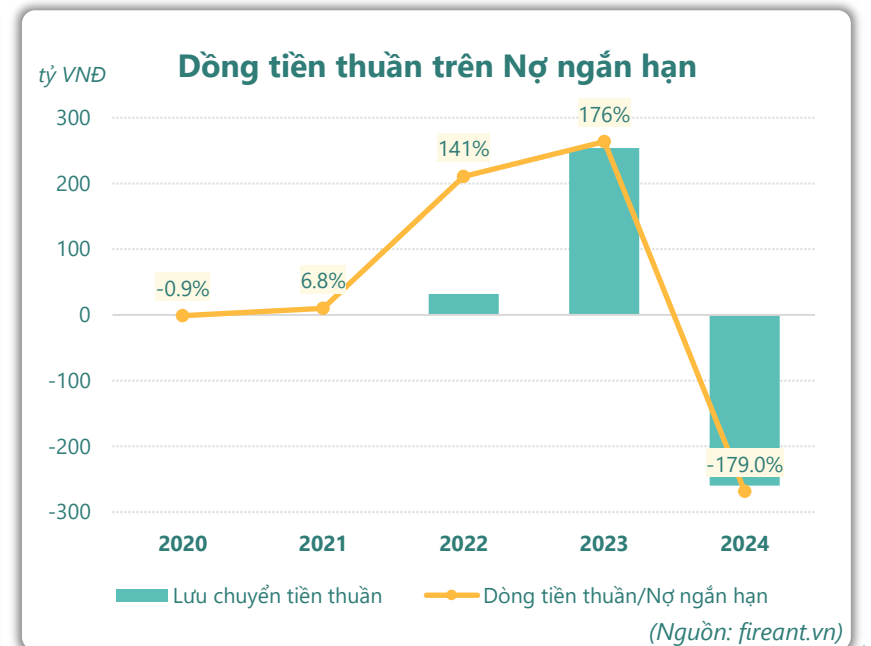
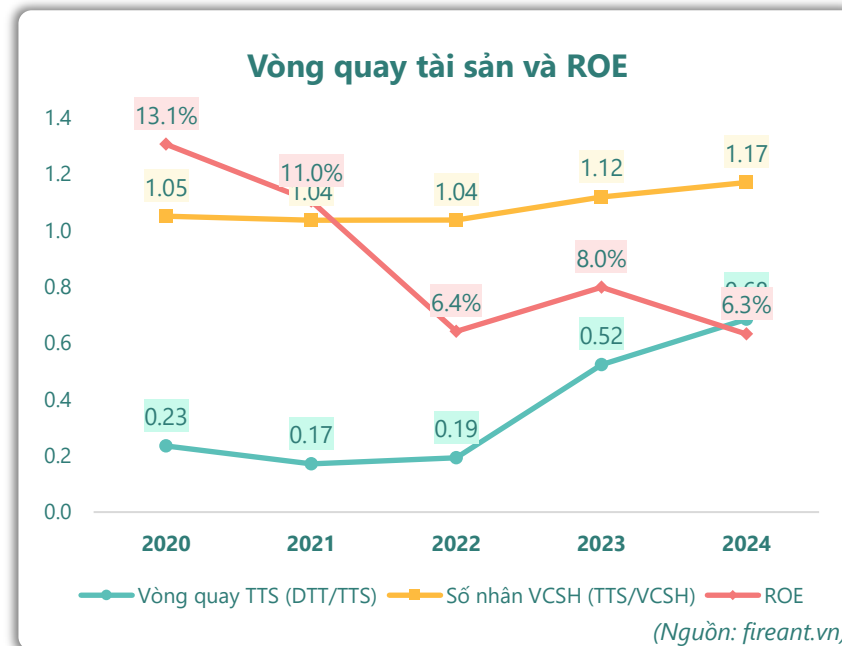
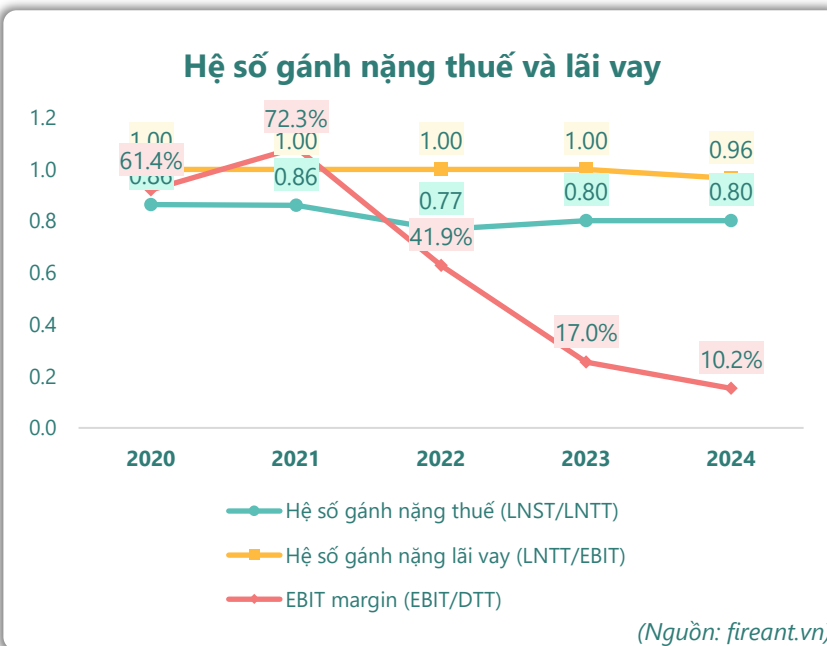
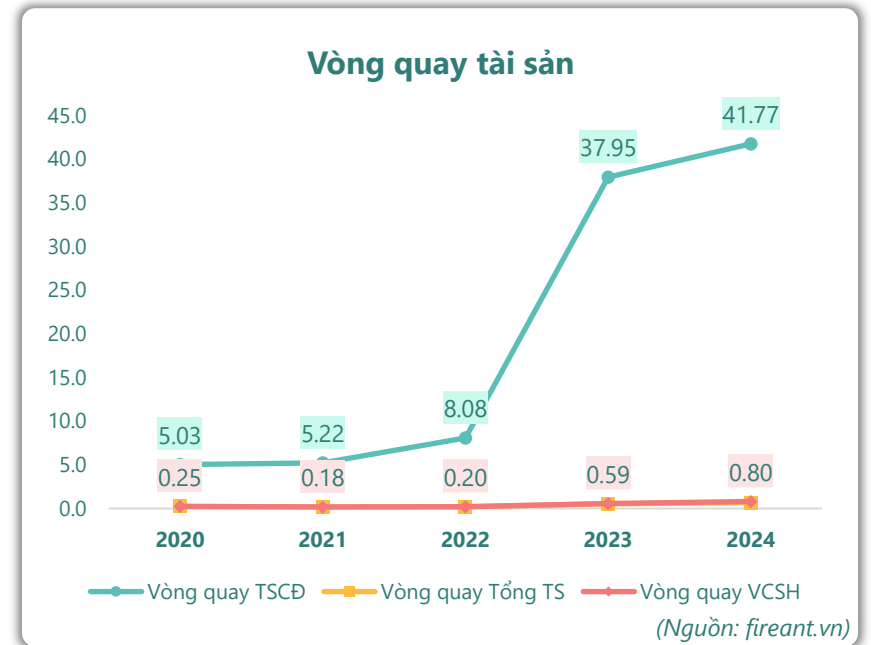
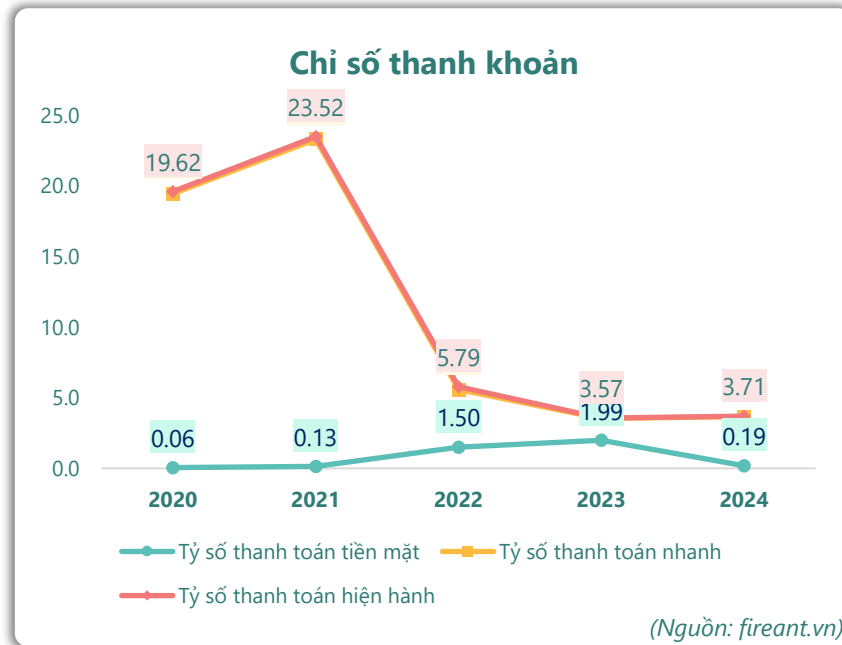
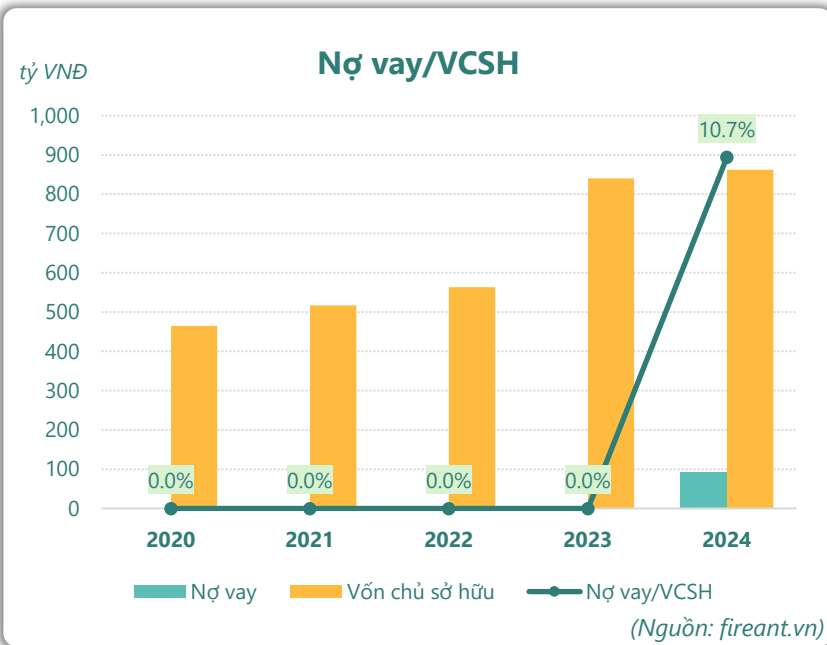
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	86.6	21.0	312%	682	411	66.0%
Giá vốn hàng bán	62.2	12.5	397%	600	347	72.7%
Lợi nhuận gộp	24.4	8.60	184%	81.6	63.2	29.0%
Doanh thu HĐTC	7.07	3.89	81.7%	16.1	19.2	-16.2%
Chi phí TC	1.03	0.26	296%	6.58	-1.95	438%
Chi phí lãi vay	1.03	0.00		2.43	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.10	0.00		7.18	0	
Chi phí QLDN	4.48	4.06	10.4%	16.8	14.7	13.8%
LN thuần từ HĐKD	21.9	8.17	168%	67.1	69.6	-3.6%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.03	0.24	-112%
LN trước thuế	21.9	8.17	168%	67.1	69.8	-4.0%
Lợi nhuận sau thuế	17.5	6.51	168%	53.8	56.0	-4.0%
LNST của CĐ cty mẹ	17.5	6.51	168%	53.8	56.0	-4.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	113	-103	-158	78.9	52.1	67.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.1	-25.8	23.2	-10.2	-183	114
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.2	0	116	-146	95.2	-67.1
Tiền đầu kỳ	173	288	159	140	63.3	28.2
Lưu chuyển tiền thuần	114	-129	-18.6	-77.0	-35.2	114
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.01	-0.01	0.01	0
Tiền cuối kỳ	288	159	140	63.3	28.2	142

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	962	1,007	-4.5%
Tài sản ngắn hạn	494	538	-8.2%
Tiền và tương đương tiền	142	28.2	404%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	305	412	-25.8%
Phải thu ngắn hạn	34.8	92.2	-62.2%
Hàng tồn kho	10.4	5.35	95.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.66	0.38	73.9%
Tài sản dài hạn	468	469	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.3	23.3	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	445	445	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.87	1.36	-35.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	82.1	145	-43.4%
Nợ ngắn hạn	82.1	145	-43.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.4	92.5	-72.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.6	36.5	3.2%
Nợ dài hạn	0	0.05	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	880	862	2.0%
Vốn chủ sở hữu	880	862	2.0%
Vốn điều lệ	599	599	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

